

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 3 năm 2023

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế và chất thải rắn xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 3. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 04 nhóm sau:
 - Nhóm tái chế, tái sử dụng: giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại.
 - Nhóm chất thải thực phẩm.
 - Nhóm chất thải nguy hại: pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác.
 - Nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết động vật nuôi)
- Chất thải rắn công kênh là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như: tủ, giường, nệm, bàn, ghế salon, tranh, gốc cây, thân cây, cành cây to phải được phân loại riêng, chủ nguồn thải có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, khi chưa được vận chuyển, xử lý.

Điều 4. Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt sau khi phân loại

- Phương tiện và thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Riêng chất thải nguy hại thực hiện thu gom, lưu chứa tại

một số điểm tập kết được UBND các cấp huyện lựa chọn và được thu gom, vận chuyển theo quy định.

2. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải được lưu chứa trong bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp với điều kiện của mỗi hộ gia đình, đảm bảo không phát tán mùi, nước rỉ ra môi trường.

3. Phương thức thu gom: Đơn vị thu gom, vận chuyển sử dụng loa, chuông hoặc hình thức thông báo khác đã được thỏa thuận với cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải khi đến lấy chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo thu gom riêng biệt các nhóm chất thải sau phân loại. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có thể thu gom cùng lúc các nhóm chất thải sau phân loại. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo phương tiện thu gom có thiết bị lưu giữ riêng các nhóm chất thải sau phân loại bên trong phương tiện thu gom.

Tùy thuộc vào khối lượng chất thải rắn phát sinh, đặc điểm của từng địa phương, UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải (tổ trưởng tổ dân phố/ban quản lý chung cư/trưởng thôn) xác định thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của nhà nước.

4. Tùy thuộc vào khối lượng chất thải rắn phát sinh, đặc điểm của từng địa phương, UBND cấp huyện quy định tần suất thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, trong đó: chất thải rắn sinh hoạt thông thường tối thiểu 02 lần/tuần, chất thải rắn sinh hoạt nguy hại tối thiểu 01 năm/01 lần.

Trường hợp, các hộ gia đình, doanh nghiệp, đơn vị sản xuất - kinh doanh khi có phát sinh chất thải đột xuất hay có khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh nhiều như: có tiệc, ma chay, cưới hỏi, kinh doanh, dịch vụ ăn uống và các chủ nguồn thải (là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) có nhu cầu được tổ chức thu gom hàng ngày các nhóm chất thải phát sinh mà khác với quy định của địa phương được nêu trên thì phải thực hiện trả thêm chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển (hộ gia đình, chủ nguồn thải tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển về tần suất và chi phí thu gom, vận chuyển tăng thêm).

Điều 5. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 28 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được xử lý như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: hộ gia đình, cá nhân định

kỳ thu gom, chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc cơ sở tái chế nhựa để tái chế, tái sử dụng hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để thu gom, chuyển giao lại cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế.

b) Chất thải thực phẩm: sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc tự xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (làm phân bón hoặc ủ biogas); các cá nhân đủ điều kiện thực hiện thu gom để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết động vật nuôi): cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

d) Chất thải nguy hại: tùy thuộc vào khối lượng phát sinh trên địa bàn, UBND cấp huyện định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt.

3. Chất thải rắn công kênh:

a) Chủ nguồn thải phải tự thỏa thuận với chủ cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện việc vận chuyển chất thải rắn công kênh đến địa điểm tập kết. UBND cấp huyện, UBND cấp xã lựa chọn, bố trí địa điểm tập kết chất thải rắn công kênh, Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định, được thực hiện định kỳ ít nhất 01 lần/quý và được UBND cấp huyện, UBND cấp xã đưa vào nội dung đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

b) Chủ nguồn thải phải trả giá dịch vụ tháo rời, thu gom chất thải rắn công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến địa điểm tập kết theo giá tự thỏa thuận với đơn vị cung ứng dịch vụ.

c) Nghiêm cấm việc tự ý đổ thải chất thải rắn công kênh xuống các ao, hồ, kênh, mương, sông, suối và các địa điểm khác không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Tại các địa phương cung cấp rác cho nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Phú Sơn (thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, huyện Phú Vang, Phú Lộc) nhóm các chất hữu cơ và chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết động vật nuôi) được xử lý bằng phương pháp đốt tại Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Phú Sơn.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt

1. Tự trang bị túi (bao bì), thùng để phân loại, chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày theo các nhóm.
2. Thực hiện ký hợp đồng chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại theo quy định của pháp luật.
3. Trả chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.
4. Thực hiện nghiêm túc việc phân loại lại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 3 của quy định này trước khi đưa đến điểm tập kết.
5. Phải bỏ chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại đúng vị trí và giờ quy định của địa phương.
6. Tuyệt đối không được để lẫn chất thải rắn xây dựng, xác chết động vật nuôi, chất thải nguy hại (pin thải; bóng đèn huỳnh quang hoặc linh kiện điện tử hư hỏng) vào chất thải rắn sinh hoạt.
7. Khi có phát sinh chất thải rắn xây dựng, phải có trách nhiệm thu gom và liên hệ với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
8. Không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn trước mặt nhà, trên lòng lề đường, miệng hố ga, ao hồ, sông, suối, kênh hoặc vào các nơi công cộng khác.
9. Các cá nhân khi lưu thông trên đường, những nơi công cộng có nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt phải bỏ vào thùng rác công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định.
10. Cá nhân, chủ nguồn thải kinh doanh dịch vụ ăn uống phải bố trí thùng rác tại mỗi bàn ăn hoặc bố trí thùng chứa riêng để phục vụ cho vị trí kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt

1. Phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển riêng chất thải sau phân loại đến các điểm tập kết, điểm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý theo quy định.
2. Tuyên truyền, nhắc nhở hộ gia đình, chủ nguồn thải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Khuyến khích đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt sử dụng các tín hiệu riêng trong quá trình thu gom chất thải hữu cơ, chất thải còn lại để thông báo đến tổ chức, cá nhân, hộ gia đình biết và chuyển giao các nhóm chất thải sau phân loại.
3. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại đi xử lý.
4. Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định vị trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, thùng rác công cộng.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Trang bị đầy đủ phương tiện đáp ứng yêu cầu vận chuyển chất thải đã được phân loại theo quy định về vệ sinh môi trường; khuyến khích và ưu tiên sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển.
2. Thực hiện vận chuyển riêng chất thải đã phân loại bằng các phương tiện vận chuyển phù hợp đến điểm tập kết, điểm trung chuyển hoặc vận chuyển trực tiếp đến các nhà máy, khu xử lý theo quy định.
3. Có trách nhiệm chuyển đổi, cải tạo, bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại đảm bảo thu gom, vận chuyển theo lộ trình, tần suất và thời gian thu gom do địa phương quy định
4. Được quyền yêu cầu tổ chức, hộ gia đình, cá nhân giao chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại đạt yêu cầu theo quy định trước khi tiếp nhận.
5. Ghi nhận, báo cáo UBND cấp xã về các trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân giao chất thải đã phân loại tại nguồn cho đơn vị vận chuyển tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại không đúng quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Đầu tư các tổ hợp công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với thành phần, tính chất, nhóm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh.
2. Bố trí các khu vực tiếp nhận, xử lý riêng các nhóm chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; áp dụng công nghệ xử lý hợp vệ sinh đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường như đã cam kết với UBND tỉnh.
3. Lập, trình thẩm định và phê duyệt phương án giá dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

MỤC 2. CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**Điều 10. Hệ thống thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường**

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được thực hiện bởi các đơn vị thu gom đáp ứng đủ các yêu cầu về thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.
2. Việc thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý của các cơ sở sản xuất công nghiệp sẽ do các đơn vị thu gom đáp ứng đủ các yêu cầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.
3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng và xử lý hoặc chuyển giao cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường;
4. Việc chuyển giao, thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường cho các cơ sở sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu phải tuân thủ các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường như quy

định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.

5. Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý do chủ nguồn thải chi trả theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa chủ nguồn thải và Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

Điều 11. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại tại nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ Môi trường.

2. Cơ sở phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện việc phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Bảo vệ Môi trường. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường có lẫn chất thải nguy hại không thực hiện việc phân loại hoặc không thể phân loại được thì được quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Bảo vệ Môi trường.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được lưu giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong các thiết bị và tại các điểm tập kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 12. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tuân thủ như quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân định chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; chất thải rắn công nghiệp thông thường sau khi phân định, được chuyển giao cho các cơ sở thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với từng loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 13. Yêu cầu kỹ thuật đối với các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Có bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn phương tiện vận chuyển, quy trình ứng phó sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hoả của các địa phương trên địa

bàn hoạt động), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ (kèm theo yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân) đặt ở cabin hoặc khu vực điều khiển theo quy định của pháp luật, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

3. Có gắn thiết bị định vị vệ tinh để theo dõi, giám sát lộ trình di chuyển.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ nguồn chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Phân loại, chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

2. Chỉ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chỉ được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Việc báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm được lồng ghép trong báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường của chủ nguồn thải theo Mẫu số 05 phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Lập biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 15. Trách nhiệm của Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Gửi hợp đồng và hồ sơ năng lực (bao gồm giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy tờ xe, các hình ảnh minh họa về xe vận chuyển) và các giấy tờ liên quan (trường hợp chuyển giao cho cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp) về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào danh sách các Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp đủ điều kiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh.

3. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; trường hợp tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đồng thời thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải nguy hại, việc thực hiện báo cáo liên quan đến quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại được tích hợp với nhau.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật

Bảo vệ môi trường.

2. Các trường hợp sau thì phải có phương án trình cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét, chấp thuận trước khi triển khai hoạt động:

a) Cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường dựa trên công nghệ sản xuất sẵn có mà không thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Cơ sở xử lý chất thải đã đưa vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật có nhu cầu cải tạo, nâng cấp với công nghệ tiên tiến hơn để giảm hoặc không làm gia tăng tác động xấu đến môi trường, nâng cao hiệu quả xử lý, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng mà không thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất, loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã được đầu tư xây dựng, lắp đặt và xác nhận. Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn với các Đơn vị thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

4. Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và hồ sơ, phương án đề nghị chấp thuận, xác nhận bảo đảm yêu cầu đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Hồ sơ này là căn cứ cụ thể cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường đối với chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

5. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo Mẫu số 05 phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

MỤC 3. CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

Điều 17. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn y tế

1. Chất thải rắn y tế phải được phân định thành chất thải rắn thông thường và chất thải rắn y tế nguy hại, việc phân định chất thải rắn y tế theo quy định tại Điều 4 Thông tư 20/2021/TT-BYT.

2. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định, không làm thất thoát chất thải ra bên ngoài.

3. Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn được tập trung xử lý tại các cụm, hạn chế việc xử lý phân tán tại các cơ sở y tế.

4. Sử dụng chứng từ chất thải nguy hại trong chuyển giao, xử lý chất thải y tế theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 18. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế

1. Chất thải rắn y tế phải phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh. Phân loại chất thải rắn y tế được quy định tại Điều 6 Thông tư 20/2021/TT-BYT và lưu chứa trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo quy định tại Điều 5 Thông tư 20/2021/TT-BYT.

2. Chất thải rắn y tế được thu gom theo quy định tại Điều 7 Thông tư 20/2021/TT-BYT. Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng. Chất thải rắn y tế thông thường được quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Chất thải rắn y tế được lưu giữ theo quy định tại Điều 8 Thông tư 20/2021/TT-BYT.

4. Chất thải rắn y tế nguy hại được vận chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Khoản 1 Điều 20 Quy định này.

Điều 19. Chuyển giao, xử lý chất thải rắn y tế

1. Cơ sở y tế không tự xử lý chất thải rắn y tế phải thực hiện chuyển giao chất thải y tế theo các quy định sau đây:

a) Chất thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động y tế được chuyển giao, xử lý như chất thải sinh hoạt phát sinh tại hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

b) Chất thải rắn thông thường được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng theo quy định, chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế theo phụ lục số 01 tại Thông tư 20/2021/TT-BYT thì được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Chất thải lây nhiễm sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được quản lý như chất thải rắn thông thường và được phép thu gom để tái chế. Khi chuyển giao chất thải, cơ sở y tế phải bảo đảm bao bì lưu chứa chất thải được buộc kín, bên ngoài bao bì có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải đã khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

c) Chất thải rắn y tế nguy hại phải được chuyển giao cho đơn vị có giấy phép phù hợp theo quy định của pháp luật, số lượng chất thải sau mỗi lần chuyển giao phải được ghi đầy đủ trong sổ giao nhận chất thải theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT làm căn cứ để xuất chứng từ chất thải nguy hại hàng tháng.

2. Đơn vị nhận chuyển giao chất thải rắn y tế phải thực hiện vận chuyển theo quy định, không làm thất thoát chất thải ra bên ngoài. Chất thải rắn y tế

phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3. Cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm được thực hiện theo Điều 20 Quy định này do UBND tỉnh phê duyệt; việc bàn giao chất thải y tế để xử lý theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Điều 20. Việc xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm được thực hiện như sau

1. Xử lý theo mô hình cụm

a) Cụm 1: Trung tâm y tế huyện A Lưới: Xử lý chất thải y tế lây nhiễm cho các bệnh viện, trạm y tế xã, phường, thị trấn, các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện A Lưới

b) Cụm 2: Trung tâm y tế huyện Nam Đông: Xử lý chất thải y tế lây nhiễm cho các bệnh viện, trạm y tế xã, phường, thị trấn, các cơ sở hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn huyện Nam Đông.

c) Công trình, thiết bị hệ thống xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm phải được cấp phép xử lý chất thải, đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về giám sát, quan trắc môi trường.

d) Các cơ sở hành nghề y tế tư nhân thỏa thuận chi phí vận chuyển, xử lý với Trung tâm y tế huyện tại cụm.

2. Xử lý tại chỗ:

a) Các cơ sở y tế đã có hệ thống xử lý chất thải y tế được cấp phép tự xử lý chất thải rắn y tế nguy hại thì được tiếp tục vận hành hệ thống để tự xử lý chất thải rắn y tế của đơn vị mình.

b) Khi hệ thống xử lý chất thải của đơn vị ngừng hoạt động, đơn vị phải thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 19 của quy định này.

MỤC 4. CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 21. Phân định, phân loại, thu gom chất thải nguy hại

1. Việc phân định chất thải nguy hại được thực hiện hiện theo khoản 1 Điều 68 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã và danh mục chất thải nguy hại bắt đầu từ thời điểm khi đưa vào lưu giữ tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại hoặc khi chuyển giao chất thải nguy hại cho các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Chất thải nguy hại phải được lưu giữ trong các bao bì và thiết bị lưu chứa phù hợp. Chủ nguồn thải được lựa chọn phân loại hoặc không phân loại theo khoản 3 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-

BTNMT.

3. Bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

4. Khu vực lưu giữ chất thải của cơ sở phát sinh chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 22. Vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

1. Chất thải nguy hại phải được vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Đối với trường hợp chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải nguy hại thì phương tiện, thiết bị phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Chất thải nguy hại phải được xử lý tại các cơ sở đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều 70 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở được tự xử lý khi đáp ứng các yêu cầu theo khoản 2 Điều 70 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều 20 quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .

Điều 24. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 72, Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .

MỤC 5. CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 25. Phân loại và quản lý chất thải rắn xây dựng

1. Phân loại chất thải rắn xây dựng

a) Đất, đất bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các vị trí, khu vực đất phù hợp;

b) Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng;

c) Chất thải rắn có khả năng tái chế như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo được tái chế, tái sử dụng và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải phân loại chất thải rắn xây dựng, không được để lẫn với chất

thải rắn sinh hoạt và phải bố trí thiết bị hoặc khu lưu trữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trường hoặc trạm trung chuyển, địa điểm lưu trữ theo quy định của chính quyền địa phương.

3. Tổ chức, cá nhân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện quản lý chất thải xây dựng theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông, suối, ao, hồ các nguồn nước mặt khác.

Điều 26. Thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở tái chế và cơ sở xử lý được cấp phép, đầu tư xây dựng tuân thủ quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải có các phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành.

3. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi.

4. Đối với chất thải rắn xây dựng có thành phần chất thải nguy hại phải được thu gom, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Trong trường hợp chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng thì phải tuân thủ các quy định tại Điều này.

Điều 27. Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng

Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý do chủ nguồn thải chi trả theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa chủ nguồn thải và chủ thu gom, vận chuyển và xử lý.

Điều 28. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng (không bao gồm nhà ở), chủ nguồn thải có trách nhiệm sau đây:

a) Lập kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng trình chủ đầu tư chấp thuận (nếu là nhà thầu chính) trước khi triển khai thi công xây dựng; hướng dẫn các nhà thầu phụ (nếu có) thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng theo kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng.

b) Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh trên công trường xây dựng theo kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng.

c) Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về xây dựng để hướng dẫn, kiểm tra việc quản

lý chất thải rắn xây dựng trong công trình xây dựng. Ghi chép nhật ký, lưu giữ chứng từ ghi khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý.

d) Ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn xây dựng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng hoặc tự xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng với chủ đầu tư (nếu là nhà thầu chính);

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo quản lý chất thải rắn xây dựng định kỳ 3 tháng/lần và hàng năm hoặc đột xuất theo nội dung hướng dẫn tại khoản 4 Điều 29 Quy định này gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện quản lý địa bàn khu vực chất thải rắn xây dựng phát sinh.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Có thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

2. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến trạm trung chuyển, cơ sở xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Xác định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng để làm cơ sở ký hợp đồng thu gom, vận chuyển.

4. Có sổ theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm:

a) Thông tin chung về chủ nguồn thải;

b) Số chuyến xe thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển trong ngày/tháng của từng chủ nguồn thải;

c) Khối lượng, loại chất thải rắn xây dựng được thu gom, vận chuyển;

d) Địa điểm tiếp nhận xử lý chất thải rắn xây dựng (trạm trung chuyển, cơ sở xử lý; các cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng);

đ) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển;

e) Các thông tin khác nếu cần thiết.

3. Gửi hợp đồng và hồ sơ năng lực (bao gồm giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy tờ xe, các hình ảnh minh họa về xe vận chuyển) và các giấy tờ liên quan (trường hợp chuyển giao cho cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp) về Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào danh sách các chủ thu gom, vận chuyển

chất thải rắn xây dựng đủ điều kiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh.

4. Báo cáo quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; trường hợp tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đồng thời thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chất thải nguy hại, việc thực hiện báo cáo liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại được tích hợp với nhau.

Điều 30. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Báo cáo việc xử lý chất thải rắn xây dựng định kỳ 6 tháng/lần và hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu theo nội dung tại khoản 3 Điều này gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện quản lý địa bàn khu vực chất thải rắn xây dựng phát sinh.

3. Có sổ theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm:

- a) Thông tin chung của các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng;
- b) Khối lượng/dung tích/số chuyến xe chở chất thải rắn xây dựng được tiếp nhận của từng chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng; loại chất thải rắn xây dựng tiếp nhận;
- c) Công nghệ, biện pháp xử lý chất thải rắn xây dựng;
- d) Nhật ký vận hành các hạng mục công trình, thiết bị trong dây chuyền công nghệ xử lý (nếu có);
- đ) Các thông tin khác nếu cần thiết.

4. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng làm cơ sở ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý:

- a) Đối với cơ sở xử lý được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình Sở Tài chính để tổ chức thẩm định;
- b) Đối với cơ sở xử lý được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư phê duyệt phương án giá và gửi thông báo giá đến Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

5. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

6. Cung cấp thông tin về năng lực cho Sở Tài nguyên và Môi trường để công bố trên website.

7. Xử lý chất thải rắn xây dựng phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất,

loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã được đầu tư xây dựng, lắp đặt và xác nhận. Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn với các chủ thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 29 của Quy định này.

8. Báo cáo việc xử lý chất thải rắn xây dựng định kỳ hàng năm theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi phát hiện sự cố môi trường, phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

Chương III.

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 31. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì tổ chức quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về mặt quản lý nhà nước đối với hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn;

3. Hướng dẫn UBND cấp huyện và các Đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn, kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định;

4. Hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Tham gia đánh giá năng lực về bảo vệ môi trường trong công tác đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện, tham mưu UBND tỉnh xử lý;

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn;

6. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền có liên quan đến quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh;

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc thẩm quyền có liên quan về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh;

8. Chủ trì tổ chức lập phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

9. Phối hợp với Sở Tài chính trong thẩm định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách;

10. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn; quản lý, khai thác, trao đổi các thông tin liên quan;

11. Đôn đốc, xây dựng báo cáo công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh về công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 32. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng thời kỳ. Hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư, quản lý chất thải rắn;

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức kêu gọi nhà đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

3. Tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu tập trung để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

4. Tham mưu ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho công tác liên quan đến bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 33. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành để tham mưu tổ chức lập hoặc điều chỉnh quy hoạch xử lý chất thải rắn theo Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố quy hoạch xử lý chất thải rắn sau khi được phê duyệt; kiểm tra sự phù hợp về quy hoạch đối với việc xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn và trạm trung chuyển (nếu có);

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt;

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn; quản lý, khai thác, trao đổi các thông tin liên quan;

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khoản 8 Điều 31;

5. Chủ trì hướng dẫn việc sử dụng tro, xỉ, thạch cao đã được phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường và các chất thải rắn công nghiệp thông thường khác đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng do cơ quan có thẩm quyền ban hành được quản lý như đối với sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sau khi có hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 34. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND quyết định mức bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường cũng như kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm cho công tác quản lý và thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

2. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư, quản lý chất thải rắn;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp với UBND cấp huyện đề xuất và triển khai các biện pháp thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn nhằm đảm bảo tiêu chí về môi trường cho các xã nông thôn mới theo lộ trình; theo dõi, đề xuất các mô hình quản lý chất thải rắn khu vực nông thôn theo thẩm quyền;

2. Chủ trì hướng dẫn việc sử dụng chất thải rắn hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp không độc hại làm phân bón cho cây trồng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong công trình thủy lợi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Lòng ghép nội dung quản lý chất thải rắn và các chương trình tuyên truyền, tập huấn nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới;

4. Hướng dẫn việc thu gom, tái chế, tái sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp.

5. Chủ trì tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Điều 36. Sở Y tế

1. Chủ trì, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường tại các

bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

2. Chủ trì, kiểm tra, giám sát việc quản lý chất thải rắn y tế tại khuôn viên cơ sở y tế.

Điều 37. Sở Tư pháp

1. Phối hợp tham gia rà soát, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về quản lý chất thải rắn;

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 38. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo phân cấp, theo thẩm quyền.

Điều 39. Sở Công thương

1. Chủ trì hướng dẫn việc quản lý như sản phẩm, hàng hóa đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

2. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chỉ đạo các chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về giảm thiểu chất thải nhựa và vệ sinh môi trường tại các Trung tâm thương mại, siêu thị, các chợ truyền thống và các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương

Điều 40. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường; nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 41. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập các lộ trình chính để vận chuyển chất thải rắn về các cơ sở xử lý chất thải cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn.

2. Có ý kiến hướng dẫn về lộ trình vận chuyển chất thải rắn sau khi nhận được văn bản đề nghị của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải.

3. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

Điều 42. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý chất thải rắn, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học trên địa bàn tỉnh.

Điều 43. Công an tỉnh

1. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện các hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng, tiếp nhận, xử lý chất thải rắn trái quy định;

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tăng cường kiểm tra, xử lý, xử phạt đối với các hộ gia đình, các chủ nguồn thải không thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và không chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Nghiêm khắc xử lý các cá nhân, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

Điều 44. Ban quản lý Khu kinh tế công nghiệp tỉnh

1. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn theo quy định;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp có liên quan về quản lý chất thải rắn trên địa bàn khu kinh tế, các khu công nghiệp;

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Điều 45. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các nhiệm vụ, dự án, chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên địa bàn;

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã lựa chọn, bố trí địa điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt sau phân

loại, chất thải rắn công kênh, chất thải rắn xây dựng;

4. Chủ trì xem xét, chấp thuận phương án xử lý hoặc tái sử dụng chất thải rắn xây dựng trên địa bàn quản lý; thống nhất vị trí, khu vực đất phù hợp để tiếp nhận chất thải rắn xây dựng đã được phân loại theo khoản 1 Điều 25 Quy định này;

5. Tổ chức triển khai việc đấu thầu lựa chọn đơn vị, cơ sở hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu dịch vụ công ích theo quy định của luật đấu thầu; đối với các trường hợp không thể thực hiện theo hình thức đấu thầu dịch vụ công ích thì phải thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

6. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường, chất lượng cung ứng dịch vụ của các đơn vị và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn;

7. Lập dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn hàng năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường gửi Sở Tài chính xem xét, trình UBND tỉnh cân đối, bố trí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước;

8. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo phân cấp của UBND tỉnh, giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường;

9. Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp xã triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải rắn;

10. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 46. UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các nhiệm vụ, dự án, chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom chất thải rắn vệ sinh môi trường trên địa bàn;

3. Triển khai phân loại rác tại nguồn; tổ chức và quản lý các hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; xác định và công bố địa điểm tập kết chất thải rắn công kênh; xác định vị trí khu vực đất phù hợp để tiếp nhận chất

thải rắn xây dựng đã được phân loại theo khoản 1 Điều 25 Quy định này;

4. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn;

5. Tổ chức kiểm tra, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp thải bỏ chất thải không đúng quy định;

6. Phối hợp với các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao chất thải rắn tại các điểm hẹn phù hợp đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn phù hợp yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Điều 47. Đài phát thanh và truyền hình Thừa Thiên Huế, Báo Thừa Thiên Huế

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin về các hoạt động phân loại rác tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các Đài phát thanh và truyền hình huyện, thị xã, thành phố dành thời lượng để tuyên truyền về quản lý chất thải rắn nói chung, phân loại rác tại nguồn nói riêng tại địa phương.

Điều 48. Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào chủ nhật xanh, công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn; chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tự quản, văn minh, xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 49. Điều khoản chuyển tiếp

1. UBND cấp huyện tổ chức việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại mục 1 Chương II Quy định này trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu

kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 4 Quy định này trong vòng 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 50. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo (lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương theo dõi việc triển khai quy định này; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo (lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm).

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, kịp thời giải quyết và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương